

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST
Ngày: 20 – 11 – 2020
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Phan Châu Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST - DS ngày 21/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST - DS ngày 10/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2020/QĐST-DS ngày 28/9/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 230/2020/QĐST-DS, ngày 22/10/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973 - có mặt

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1955 - vắng mặt

2. Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1956 - vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Vĩnh Long

3. Ông Nguyễn Thế Th1, sinh năm 1952 - vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966 - vắng mặt

Cùng nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 14/02/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Quốc C trình bày:

Vào ngày 31/8/2017, anh C có cho ông Th và ông Th1 vay số tiền là 200.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên có làm biên nhận nợ với nhau, lãi suất thỏa thuận là 20%/01 năm, thời hạn vay là 02 tháng. Sau khi vay thì ông Th và ông Th1 không trả gốc và lãi cho anh C nên anh C khởi kiện ông Th và ông Th1 tại Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Vào ngày 30/5/2019 anh C với ông Th và ông Th1 thỏa thuận là từ ngày 30/5/2019 đến ngày 30/12/2019 dương lịch, ông Th và ông Th trả cho anh C số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 24.000.000 đồng. Nếu ông Th và ông Th1 không thực hiện đúng cam kết thì phải trả thêm phần lãi suất từ ngày 30/5/2019 đến khi hết số tiền nợ theo lãi suất Ngân hàng. Tuy nhiên sau khi cam kết đến nay ông Th và ông Th1 vẫn chưa trả số tiền gốc và lãi suất cho anh C.

Nay anh C yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Bé T và vợ chồng ông Th1, bà G có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất từ ngày 31/8/2017 đến ngày 20/11/2020 là 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng 20 ngày = 128.373.320 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất là 328.373.320 đồng. Ngoài ra, anh C yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Bé T và vợ chồng ông Th1, bà G có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi kể từ ngày 21/11/2020 đến khi thanh toán hết số nợ theo mức lãi suất là 10%/năm.

- Phía bị đơn là vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Bé T và vợ chồng ông Nguyễn Thế Th1, Nguyễn Thị G:

Căn cứ vào các Điều 196, 199, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Tòa án đã công khai các tài liệu, chứng cứ tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 10/9/2020.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Theo quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận*

của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Mặc dù, biên nhận vay ngày 31/8/2017 và tờ thỏa thuận ngày 30/5/2019 do anh C cung cấp cho Tòa án không có công chứng hoặc chứng thực hợp pháp sự kiện vay giữa ông C với ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G nhưng phía ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G đã biết được tình tiết, sự kiện tranh chấp với anh C mà không có ý kiến gì, hơn nữa phía bị đơn cũng đã nhận được bản sao các tài liệu, chứng cứ do phía anh C cung cấp nhưng cũng không có ý kiến và cũng không phản đối. Vì vậy, biên nhận vay ngày 31/8/2017 và tờ thỏa thuận ngày 30/5/2019 do anh C cung cấp cho Tòa án và sự kiện vay tài sản giữa ông C với ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G nhưng ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải thì ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện anh C yêu cầu ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho phía ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G nhưng ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G đã vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, biên nhận vay ngày 31/8/2017 và tờ thỏa thuận ngày 30/5/2019 do anh C cung cấp cho Tòa án là thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét thấy biên nhận vay ngày 31/8/2017 và tờ thỏa thuận ngày 30/5/2019 ghi nhận việc vay tiền chỉ có ông Th và ông Th1 ký tên. Tuy nhiên nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Th với bà Bé T, giữa ông Th1 với bà G. Phía ông Th và ông Th1 không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc vay tiền trên là vì nghĩa vụ riêng của ông Th và ông Th1. Đồng thời theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng thì xác định phía bà Bé T, bà G phải có trách nhiệm liên đới với ông Th, ông Th1 trả nợ cho anh C. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C về việc yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Bé T và vợ chồng ông Th1, bà G có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi suất từ ngày 31/8/2017 đến ngày 20/11/2020 là 38 tháng 20 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 38 tháng 20 ngày = 128.373.320 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất là 328.373.320 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 21/11/2020 đến khi thanh toán hết số nợ theo mức lãi suất là 10%/năm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th, bà Bé T, ông Th1, bà G phải chịu liên đới tiền án phí dân sự sơ thẩm là 328.373.320 đồng x 5% = 16.418.666 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 4 Điều 94; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc C.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Bé T và vợ chồng ông Nguyễn Thế Th1, bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Nguyễn Quốc C tổng số tiền vốn và lãi là 328.373.320 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Bé T và vợ chồng ông Nguyễn Thế Th1, bà Nguyễn Thị G phải chịu liên đới tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.418.666 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quốc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.420.000 đồng theo biên lai thu số 0012447 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Quốc C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với ông Lê Văn Th, bà Trần Thị Bé T, ông Nguyễn Thế Th1 và bà Nguyễn Thị G vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh